

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/202019/HNGĐ-ST

Ngày 13/5/2020

Về việc: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng

2. Ông Phan Thành Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 01/2020/TLST-HNST ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc: “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (có mặt).

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Thủy Sơn Q – sinh năm 1977 (có mặt).

Trú tại: Tổ 5, thôn N, xã B, huyện T, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Tôi và anh Thủy Sơn Q tự tìm hiểu và kết hôn năm 2014 có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp nhau, anh Q thường xuyên đánh đập tôi và chúng tôi đã sống ly thân đến nay đã 4 năm không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên tôi tha thiết xin tòa cho tôi được ly hôn với anh Thủy Sơn Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thủy Tường V – sinh ngày 17/12/2014. Nguyên vọng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

** Theo bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Thủy Sơn Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn tôi đồng ý với lời trình bày của cô T còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay cô T xin ly hôn đồng ý.*

Về con chung: Có 01 con chung tên Thủy Tường V – sinh ngày 17/12/2014. Nguyên vọng xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Thủy Sơn Q

Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con Thủy Tường V – sinh ngày 17/12/2014 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Thủy Sơn Q cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Chị T và anh Q đều khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Chị T và anh Q đều khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Thủy Sơn Q cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Thủy Sơn Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, như vậy hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm và cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Chị T, anh Q đã sống ly thân được 04 năm. Nay chị T, anh Q thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có

hạnh phúc nên đều xin được thuận tình ly hôn. Việc xin thuận tình ly hôn của chị T, anh Q là tự nguyện phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên xét công nhận.

Về con chung: Chị T, anh Q có 01 con chung tên là Thủy Tường V– sinh ngày 17/12/2014, chị T có nguyện vọng xin nuôi con chung, anh Q cũng có nguyện vọng xin nuôi con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T và anh Q thì thấy: Chị T, anh Q đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên việc chị T, anh Q đều có nguyện vọng xin nuôi con là chính đáng, tuy nhiên từ khi chị T, anh Q sống ly thân thì cháu Thủy Tường V sinh sống với chị T, chị T đảm bảo tốt việc nuôi dạy con, hơn nữa bản thân cháu V là con gái, đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, xét giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con Thủy Tường V – sinh ngày 17/12/2014 đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GD Việt Nam.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Thủy Sơn Q cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Thủy Sơn Q khai không có nên HĐXX không xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Thủy Sơn Q khai không có nên HĐXX không xét.

Án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) xét buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0005325 ngày 01/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51; Điều 55, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Thủy Sơn Q.

2/ Về con chung: Xử:

Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con chung tên là Thủy Tường V– sinh ngày 17/12/2014 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Thủy Sơn Q cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung: : Chị T và anh Q khai không có nên không xét.

4/ Về nợ chung: : Chị T và anh Q khai không có nên không xét.

5. Án phí LHST: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) xét buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0005325 ngày 01/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T
- THADS huyện T
- Những người tham gia tố tụng
- UBND xã B.
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa